TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ PRÔNG** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 36/2017/HSST Ngày 12/7/2017	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PRÔNG TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Chí Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công Tấn
2. Ông Đặng Hồng Việt

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hà Đức Quang – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Danh Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 22/2017/HSST ngày 28 tháng 4 năm 2017 đối với bị cáo:

Trần Văn D, sinh năm 1988; nơi sinh: Huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện tại: Tổ 18, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Nguyên làm nông; trình độ văn hoá: Học lớp 7/12; con ông Trần Văn L (đã chết) và bà Cao Thị L; vợ là Đoàn Thị Mỹ P và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án: Ngày 28/7/2006 bị Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xử phạt 07 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", ngày 09/3/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", ngày 30/01/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xử phạt 36 tháng tù về tội "Cướp tài sản" và 08 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành 44 tháng tù, ngày 09/01/2016 chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ và tạm giam từ ngày 21/12/2016 cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Anh Đỗ Quang T, sinh năm 1982; trú tại Tổ dân phố 6, thị trấn Chư Prông, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chị Đoàn Thị Mỹ P, sinh năm 1982; trú tại Tổ dân phố 7, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai (có mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện kiểm sát Nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 21/5/2016, anh Đỗ Quang T đi hát Karaoke tại quán Kely thuộc Tổ dân phố 6, thị trấn Chư Prông, huyện Chư Prông tỉnh Gia Lai. Anh T có gọi điện thoại cho bạn nhờ người đến hát chung. Sau đó có chị Đoàn Thị Mỹ P đang ở nhà trọ Đinh Hưng gần đó đến ngồi hát với anh T. Trước khi đi vào quán hát chị P có nói cho chồng là Trần Văn D biết là chị P đi hát Karaoke ở quán Kely ở gần phòng trọ, khi nào D ngủ dậy thì đến quán tìm P.

Sau đó P đi xe máy Dream của vợ chồng đến quán gặp Đỗ Quang T và cả hai ngồi hát Karaoke. Ngồi hát được khoảng một giờ thì P thấy anh T say và đòi về, đồng thời yêu cầu anh T trả tiền công ngồi hát nhưng anh T không chịu nên xảy ra mâu thuẫn. T chạy ra ngoài nhặt một hòn đá rồi vào đuổi đánh P, thấy vậy P bỏ chạy vào phòng vệ sinh của quán để nấp. T ra đứng ở cửa quán Kely. Lúc này Trần Văn D đi bộ từ phòng trọ sang quán Kely để tìm P, khi đến nơi thì thấy T cầm đá đuổi đánh P nên D đi bộ sang quán lò rèn Xuân Bảo của chị Lê Thị K gần đó để mua một con dao dài khoảng 40cm. Mua xong dao D quay lại quán Kely đứng trước cửa quán gần nơi T đang đứng gọi P ra ngoài, nghe tiếng D gọi thì P đi ra ngoài đường. Lúc này T đang đứng cạnh D, nghe thấy D gọi P đi ra thì T xoay lưng đi vào trong quán. Khi T vừa đi vào thì D dùng dao chém từ trên xuống, theo phản xạ T giơ tay trái lên đỡ thì bị chém vào tay trái của T làm T bị thương. Sau khi chém anh T xong D và P về phòng trọ thu xếp đồ đạc rồi bỏ trốn, đến ngày 21 tháng 12 năm 2016 thì bị bắt theo lệnh truy nã.

Anh Đỗ Quang T được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện huyện Chư Prông, sau đó điều trị tại bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai từ ngày 21/5/2016 đến ngày 26/5/2016 thì xuất viện; từ ngày 25/8/2016 đến ngày 22/9/2016 điều trị tiếp tại Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết luận giám định pháp y số 159/TTPY ngày 29/7/2016 của Trung Tâm giám định pháp y tỉnh G kết luận: Một sẹo vết thương phần mềm mặt sau trên cánh tay trái hình chữ U kích thước 28cm x 0,4cm, sẹo liền: 8%; tổn thương hoàn toàn thần kinh quay bên trái, định khu 1/3 trên cánh tay, trên chỗ chia nhánh cho cơ tam đầu, teo cơ cánh tay trái 03cm, teo cơ cẳng tay trái 03cm so với bên phải, teo cơ ô mô các ngón, cảm giác còn tê buốt hai ngón rưỡi trong, bàn tay rủ cổ cò, không có dấu hiệu bàn tay vuốt trụ: 41%. Tổng tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 46% sức khỏe.

Cáo trạng số 26/CT-VKS ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Viện kiểm sát Nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Trần Văn D về tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự.

Bị cáo thừa nhận hành vi gây thương tích cho người bị hại như cáo trạng đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại bị hại đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Đỗ Quang T yêu cầu bị cáo phải bồi thường bao gồm tiền chi phí điều trị, thu nhập bị mất, tiền công chăm sóc và tổn thất về tinh thần theo quy định của pháp luật. Anh T đã được bồi thường số tiền 18.000.000đ, nay yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp theo quy định của pháp luật. Bị cáo chấp nhận bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho người bị hại theo quy định của pháp luật.

Trình bày luận tội, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 33; khoản 3 Điều 104; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Văn D từ 08 đến 09 năm tù. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc bị cáo phải bồi thường chi phí điều trị, thu nhập thực tế bị mất, tổn thất tinh thần cho người bị hại và án phí phải nộp để sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

XÉT THẤY:

Bị cáo Trần Văn D khai nhận toàn bộ hành vi của mình, đối chiếu với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của những người tham gia tố tụng khác như người bị hại, những người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng với bản kết luận giám định pháp y về thương tích và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Khoảng hơn 14 giờ ngày 21/5/2016, trong khi ngồi hát Karaoke tại quán Kely thuộc Tổ dân phố 6, thị trấn Chư Prông, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai, chị Đoàn Thị Mai P là vợ của bị cáo Trần Văn D có mâu thuẫn với anh Đỗ Quang T trong việc thanh toán tiền công hát và bị anh T cầm đá đuổi đánh. Khi đến quán Karaoke để tìm chị P, nhìn thấy anh T cầm đá đứng trước cổng quán không cho chị P về, nên bị cáo đã đi đến quán lò rèn gần đó mua một con dao dài khoảng 40cm rồi quay trở lại chém trúng vào tay trái của anh T, gây thương tích làm tổn thương cơ thể là 46%. Như vậy hành vi của bị cáo đã phạm tội "Cố ý gây thương tích", tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 104 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ pháp luật.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi xâm phạm đến sức khỏe của người khác là trái pháp luật nhưng vẫn bất chấp. Bị cáo đã sử dụng dao là hung khí nguy hiểm chém anh Đỗ Quang T gây ra thương tích, làm tổn thương cơ thể đến 46%, do vậy bị cáo phải bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng là "Dùng hung khí nguy hiểm" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự và phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự. Mặt khác ngày 30/01/2013 bị Tòa án nhân dân huyện

Kbang, tỉnh Gia Lai xử phạt 36 tháng tù về tội "Cướp tài sản", 08 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành 44 tháng tù, đến ngày 09/01/2016 mới chấp hành xong bản án. Như vậy, bị cáo đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng do cố ý (tội Cướp tài sản) chưa được xóa án tích mà lại phạm tội rất nghiêm trọng (tội Cố gây thương tích theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự). Vì vậy bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm" quy định tại điểm a khoản 2 Điều 49 Bộ luật hình sự, nên bị cáo phải bị áp dụng thêm tình tiết định khung tăng nặng nữa là "Tái phạm nguy hiểm" quy định tại điểm i khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự. Xét thấy bị cáo là người có nhân thân rất xấu, đã nhiều lần bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản. Hành vi phạm tội lần này của bị cáo thuộc trường hợp rất nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác được luật hình sự bảo vệ và còn gây mất an ninh, trật tự cho xã hội; sau khi phạm tội lại bỏ trốn. Do vậy bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra.

Song, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau: Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội; đã tác động đến gia đình để bồi thường một phần thiệt hại về sức khỏe cho người bị hại. Do vậy Hội đồng xét xử lần lượt áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Cần thiết phải có hình phạt thật nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân tốt đồng thời cũng là để răn đe và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này, chị Đoàn Thị Mỹ P là người đi hát Karaoke và có mâu thuẫn với anh Trung đồng thời cũng là nguyên nhân dẫn đến việc Trần Văn Dương sử dụng dao chém anh T gây thương tích. Tuy nhiên chị P không gọi bị cáo đến để đánh anh T, không có hành vi giúp sức hoặc tạo điều kiện khác cho bị cáo gây thương tích cho anh T. Do vậy Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không xem xét trách nhiệm của chị P trong vụ án này là có căn cứ.

Về trách nhiệm dân sự: Việc yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về sức khỏe của anh T là chính đáng, vì về nguyên tắc bị cáo gây ra thiệt hại về sức khỏe cho người bị hại thì phải có trách nhiệm bồi thường cho họ theo quy định tại Điều 584 và 590 của Bộ luật dân sự. Tuy nhiên mức bồi thường cụ thể cần phải căn cứ vào chi phí thực tế, hợp lý và các quy định của pháp luật; ngoài ra theo quy định tại khoản 2 Điều 590 Bộ luật dân sự, bị cáo còn phải bồi thường thêm một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần của người bị hại.

Các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của người bị hại có trong hồ sơ vụ án về cơ bản là hợp lệ, cần chấp nhận những khoản sau đây:

- Các chi phí về điều trị hợp lệ có chứng từ, biên lai để chứng minh bao gồm tiền thuốc, tiền viện phí, tiền xe là 7.447.649đ;

- Tiền thu nhập bị mất và tiền công của người chăm sóc người bị hại trong thời gian điều trị: Trong thời gian bị thương tích phải điều trị, anh T làm việc cho Xưởng Mỹ thuật quảng cáo M với mức tiền công thỏa thuận là 200.000đ/ngày (có hợp đồng lao động). Do vậy tiền thu nhập bị mất của anh T trong thời gian điều trị là 200.000đ x với thời gian điều trị là 35 ngày (từ ngày 21/5/2016 đến ngày 26/5/2016 tại Bệnh viên đa khoa tỉnh Gia Lai và từ ngày 25/8/2016 đến ngày 22/9/2016 tại Bệnh viện chấn thương chỉnh hình Thành phố Hồ Chí Minh) = 7.000.000đ. Tiền công chăm sóc trong thời gian điều trị theo mức tiền công trung bình tại địa phương là 170.000đ/ngày x 35 ngày = 5.950.000đ.

- Căn cứ vào mức độ đau thương, buồn phiền, mất mát về tình cảm, giảm sút về uy tín do sức khỏe bị xâm hại của người bị hại, Hội đồng xét xử cân nhắc cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh T thêm một khoản tiền khác tương đương với 30 lần mức lương cơ sở là 1.300.000đ x 30 = 39.000.000đ để bù đắp tổn thất về tinh thần cho anh Đỗ Quang T.

Tổng cộng các khoản buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Đỗ Quang T tiền thiệt hại về sức khỏe là 7.447.649đ (chi phí điều trị) + 12.950.000đ (tiền thu nhập bị mất và tiền công chăm sóc) + 39.000.000đ (tổn thất về tinh thần) = 59.397.469đ. Bị cáo đã bồi thường được 18.000.000đ, nay phải bồi thường tiếp là 41.397.649đ.

Về vật chứng của vụ án: Sau khi dùng dao gây thương tích cho anh T thì bị cáo đã vứt bỏ, Cơ quan điều tra đã tuy tìm nhưng không thấy, do vậy không đề cập xử lý.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Trần Văn D phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 41.397.649đ x 5% = 2.069.882đ án phí dân sự để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn D phạm tội "Cố ý gây thương tích".

- Áp dụng Điều 33; khoản 3 Điều 104; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584 và Điều 590 Bộ luật dân sự:

- Căn cứ vào Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Xử phạt bị cáo Trần Văn Dư 08 *(tám)* năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ và tạm giam, ngày 21 tháng 12 năm 2016.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn D phải bồi thường cho anh Đỗ Quang T số tiền thiệt hại về sức khỏe là 59.397.469đ, bị cáo đã bồi thường được 18.000.000đ, nay phải bồi thường tiếp là 41.397.469đ (*bốn mươi mốt triệu ba trăm chín mươi bảy ngàn bốn trăm sáu mươi chín đồng)*.

Kể từ ngày bản có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Bị cáo Trần Văn D phải nộp 200.000đ *(hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 2.069.882đ *(hai triệu không trăm sáu mươi chín ngàn tám trăm tám mươi hai đồng)* án phí dân sự để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án Nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- B cáo;
- Người bị hại;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Lưu hồ sơ/VP(02 bản**).**

Đặng Chí Công